TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày: 13/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-DS ngày 26/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ: tổ M, khóm T, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Bích T, sinh năm 1962, địa chỉ: tổ M, khóm T, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1958, địa chỉ: tổ M, khóm T, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 11/11/2017 (âm lịch), bà L có cho bà T vay 6.000.000 đồng để làm vốn bán quán cà phê vỉa hè, thời hạn vay 10 ngày, không tính lãi suất, không thế chấp tài sản nhưng có lập biên nhận nợ. Đến hạn trả nợ, bà T không có khả năng trả nên xin bà L trả dần mỗi tháng 500.000 đồng

từ ngày 30/02/2018 (âm lịch) cho đến khi dứt nợ, bà T đã trả tiền vốn 360.000 đồng, còn nợ lại 5.640.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông B cùng có trách nhiệm liên đới trả một lần số tiền 5.640.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình: Biên nhận nợ (bản chính).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lưu Thị Bích T trình bày: Năm 2017 (không nhớ rõ ngày, tháng), bà T có vay của bà L 02 lần, tổng cộng là 3.500.000 đồng, đóng lãi mỗi ngày 35.000 đồng, không tính thời hạn vay, không lập biên nhận nợ, bà T đã đóng lãi được 05 tháng với số tiền 5.250.000 đồng, khi đóng lãi, bà T đến nhà của bà L để đóng và đưa cho ông Thạnh (chồng bà L), không có lập biên nhận và không có người chứng kiến. Đối với số tiền lãi, bà T không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đến ngày 11/11/2017 (âm lịch) do không còn khả năng đóng lãi cho bà L nên bà T xin gia hạn đến ngày 30/02/2018 (âm lịch) sẽ trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tiếp tục đóng lãi, bà L yêu cầu bà T phải viết biên nhận nợ với số tiền là 6.000.000 đồng vì những tháng bà T không đóng lãi nên cộng dồn vào nợ gốc, bà T đồng ý và có lập biên nhận nợ đề ngày 11/11/2017.

Sau đó, đến ngày 30/02/2018 (âm lịch), bà T vẫn không có khả năng trả nợ cho bà L như thỏa thuận nên có xin bà L góp mỗi ngày 20.000 đồng cho đến khi dứt nợ, thời gian bắt đầu trả từ ngày 17/4/2018 (âm lịch) đến ngày 04/5/2018 (âm lịch), tổng cộng góp được 18 ngày với số tiền 360.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà T thừa nhận còn nợ của bà L số tiền 5.640.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn B trình bày: Ông không Bết vợ ông là bà Lưu Thị Bích T vay tiền của bà Nguyễn Thị L nhưng khi ông Thạnh (chồng bà L) đến lấy tiền lãi thì ông B mới biết bà T vay của bà L, số tiền, thời gian và lãi suất thỏa thuận vay như thế nào thì ông B không rõ nhưng mục đích vay của bà T là bổ sung mua bán quán nước vỉa hè nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu và nuôi sống gia đình. Nay, ông B đồng ý cùng vợ là Lưu Thị Bích T trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.640.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ, ông B yêu cầu không tính lãi.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của đương sự: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, bà L xác định tài liệu, chứng cứ đã

cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà L với bà T được thực hiện trên cơ sở tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Việc vay tiền của bà T là để phục vụ thiết yếu gia đình (bán quán nước vỉa hè), do đó, bà L yêu cầu bà T và ông B liên đới trách nhiệm trả một lần số tiền 5.640.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Lưu Thị Bích T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm T, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn bà Lưu Thị Bích T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và bà Lưu Thị Bích T được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] *Về khoản nợ vay*:

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Thị Bích T thừa nhận còn nợ của bà L số tiền 5.640.000 đồng. Bà L thống nhất bà T còn nợ số tiền 5.640.000 đồng và buộc ông B cùng có trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ, vì bà L cho rằng số tiền bà T vay là để bán quán nước vỉa hè nhằm nuôi sống gia đình. Lời khai trong quá trình giải quyết, ông B thừa nhận số tiền bà T vay của bà L là để bổ sung quán nước nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông B đồng ý cùng bà T trả cho bà L số tiền 5.640.000 đồng. Như vậy cho thấy việc ông B đồng ý có trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ cho bà L là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bà L yêu cầu bà T, ông B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 5.640.000 đồng là có cơ sở, xét chấp nhận.

[3] Về phương thức thanh toán, bà T và ông B xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng nhưng bà L không đồng ý, xét yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên không chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ được tiếp tục được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu bà T, ông B trả lãi, xét có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà T và ông B có trách nhiệm trả nợ 5.640.000 đồng nên phải chịu án phí là 300.000 đồng như theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Lưu Thị Bích T và ông Đặng Văn B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.640.000 *(năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Bích T và ông Đặng Văn B phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn) đồn*g án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn) đồng* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007451 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lưu Thị Bích T và ông Đặng Văn B là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền